

Bản án số: 38/2021/HSST

Ngày: 20/01/2021

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lôi Liên Minh
2. Ông Nguyễn Trung Diễn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh A Thư – Thư ký Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hà Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 745/2020/TLST-HSST ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1990 tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp K, xã V, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 09/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Con ông Lê Văn B, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974. Gia đình có 03 A em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 06/9/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lương Quang A.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1998 tại ThA Hóa.

Nơi cư trú: số 37, Phố Trần P, thị trấn N, huyện Ng, tỉnh ThA Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Lương Văn Th, sinh năm 1975 và bà

Lê Thị V, sinh năm 1977. Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 06/9/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là người thường xuyên sử dụng chất ma túy. Để có ma túy sử dụng, T nảy sinh ý định mua ma túy để bán cho người khác kiếm lời. Vào các ngày 22/8/2020 và 30/8/2020, người thanh niên tên M (không rõ lai lịch) đem ma túy đến nhà thuê của T tại nhà không số, thuộc tổ 16, khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, bán cho T 02 gói ma túy đá với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/lần. Mỗi lần mua ma túy, T chia gói ma túy thành 20 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu (tép) để vừa sử dụng và bán cho người nghiện.

Cách thức: Người mua ma túy liên lạc với T qua số thuê bao 0971.402.722, T hẹn người mua đến nhà T hoặc người mua trực tiếp đến nhà T tại địa chỉ nhà không số, thuộc tổ 16, khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gặp T để mua bán ma túy. Cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ các ngày 22/8/2020, 29/8/2020, tại trước nhà của T tại tổ 16, khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, T đã 02 lần mỗi lần bán 01 tép ma túy cho Nguyễn Văn L, sinh năm 1989, ngụ tại ấp 19/5, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)/tép.

Vào lúc 19 giờ 42 phút ngày 05/9/2020, Nguyễn Văn L gọi điện cho T hỏi mua 01 tép ma túy với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). T hẹn L đến trước nhà của T để giao dịch. Lúc này có Lương Quang A (bạn của T) là người sử dụng trái phép chất ma túy đến ở nhờ tại nhà của T. Khi L đến trước nhà của T tại địa chỉ trên, T đã đưa 01 tép ma túy cho Lương Quang A để A bán dùm cho T. Trong lúc A vừa giao ma túy cho L và nhận số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) thì Công an phường Tam Phước phát hiện, bắt quả tang.

Vào lúc 20 giờ 10 phút cùng ngày, Công an phường Tam Phước kiểm tra nhà của T phát hiện và thu giữ 11 tép ma túy do T cất giấu trong hộp nhựa nhãn hiệu Xylitol để trên nền nhà trong phòng ngủ của T, mục đích để bán cho người nghiện.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn T và Lương Quang A khai nhận hành vi như trên.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 đoạn ống nhựa chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn L, Lương Quang A và hình dấu tròn đỏ của Công an phường Tam Phước) (ký hiệu M1).

+ 11 đoạn ống nhựa chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong có chữ ký của Lê Văn T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường Tam Phước) (ký hiệu M2).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359480085178052 của T sử dụng liên lạc để bán ma túy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei: 863069038889532 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 60B9-146.46 là tài sản của Nguyễn Văn L, không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã giao trả cho La.

Tại Kết luận giám định số 2132/KLGD-PC09 ngày 09/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,0911 gam, loại Methamphetamine.

Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,2623 gam, loại Methamphetamine.”

Tại cáo trạng số 13/CT-VKSBH ngày 15 tháng 12 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lương Quang A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn T, Lương Quang A khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điều, khoản như đã nêu trên là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự (các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Vụ án có đồng phạm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Lê Văn T, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.
- Lương Quang A, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến bào chữa, trả lời gì đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã nhận thức về hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Lê Văn T, Lương Quang A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T và Lương Quang A tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định:

Vào các ngày 22/8/2020, 29/8/2020 và 05/9/2020, tại tổ 16, khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Lê Văn T đã 03 lần bán ma túy, loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn L, mỗi lần 01 tép ma túy với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Lê Quang A giúp sức cho Lê Văn T 01 lần bán 01 tép ma túy có khối lượng 0,0911 gam, loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn L với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) vào ngày 05/9/2020 thì bị Công an phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, Lê Văn T còn cất giấu 11 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy có khối lượng 1,2623 gam, loại Methamphetamine, mục đích để bán cho người nghiện.

[3] Về tội dA:

Xét thấy, hành vi của các bị cáo Lê Văn T và Lương Quang A như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lê Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lương Quang A 01 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh và trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, mọi hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Vì mục đích lợi nhuận và có nguồn ma túy để sử dụng mà các bị cáo bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm. Nên phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn T và Lương Quang A đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T và Lương Quang A đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo và cả hai đều chưa có tiền án, tiền sự; nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 (Một) gói niêm phong số 2132/PC09-GĐMT ngày 09/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359480085178052 của Lê Văn T sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền bán ma túy của T và A mà có, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/12/2020 và biên lai thu tiền số 000465 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Buộc Lê Văn T phải giao nộp số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu lợi từ việc bán ma túy mà có để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với Nguyễn Văn L có hành vi tàng trữ 0,0911 gam ma túy, loại Methamphetamine, L chưa bị xử lý hành chính hoặc bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hoặc các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 Bộ luật hình sự, khối lượng ma túy do L tàng trữ không đủ định lượng nên hành vi của L không cấu thành tội phạm, Cơ quan Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L là phù hợp.

Đối với đối tượng tên M (không rõ lai lịch) bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội dA: Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T và Lương Quang A** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lê Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lương Quang A 02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 (Một) gói niêm phong số 2132/PC09-GĐMT ngày 09/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359480085178052 của Lê Văn T sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền bán ma túy của Lê Văn T và Lương Quang A.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/12/2020 và biên lai thu tiền số 000465 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Buộc Lê Văn T phải giao nộp số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) thu lợi từ việc bán ma túy mà có để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Lê Văn T và Lương Quang A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng